TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2022/HSST
Ngày 19/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Đào – Giáo viên hưu trí.

Bà Võ Thị Thanh Hiếu – Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Văn Lợi, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phan Văn Vận – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST–HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Đức N; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 24/01/2003 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Khu phố Ch Ban 2, thị trấn L huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Th và bà Hà Thị S; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2021 đến nay.

(Có mặt)

2. Vi Nhật A; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 22/01/2005 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn V và bà

Vi Thị H; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2021 đến nay.

(Có mặt)

3. Vi Xuân L; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 02/02/2004 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn M và bà Lo Thị H; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

(Có mặt)

+ Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vi Nhật A: Bà **Vi Thị H**. Sinh năm 1982 – mẹ đẻ Vi Nhật A.

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

+ Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vi Xuân L: Bà **Lo Thị H**. Sinh năm 1971 – mẹ đẻ Vi Xuân L.

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

+ Người bào chữa cho bị cáo Vi Nhật A và Vi Xuân L: Bà **Tạ Thị A** - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

+ Người bị hại: Ông **Nguyễn Đình Nh**. Sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khối 2, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu **Vi Văn H**. Sinh ngày 10/10/2005

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An

(Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Vi Văn H: Ông **Vi Văn Ng**. Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

- Ông **Vi Văn Đ**. Sinh năm 1973

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

- Ông **Vi Văn Ng**. Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An

(Vắng mặt)

- Bà **Trần Thị M**. Sinh năm 1971

Nơi cư trú: Khối 12, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

+ Đại diện Ủy ban nhân dân xã Châu Đình, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An: Bà **Lương Thị O** – Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Châu Đình, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 03/5/2021, Vi Đình C, Vi Văn Ho, Lữ Văn Đ, Lê Đức Nh và Vi Nhật A cùng ăn uống tại nhà ở của Vi Nhật A. Đến khoảng 01 giờ ngày 04/5/2021, Vi Đình C rủ mọi người đi sang thị trấn Q, huyện Q trộm cắp tài sản thì tất cả đều đồng ý. Sau đó H đi xe máy chở C, còn Đ đi xe máy chở Nh và A rồi tất cả đi sang thị trấn Q. Khi đến khối 2 thị trấn Q, huyện Q thì cả hội dừng xe trước xưởng sửa chữa ô tô Nh của anh Nguyễn Đình Nh. Tại đây Đ nói H và Nh ở ngoài còn Đ, A, C đột nhập vào trong xưởng lấy trộm tài sản là các loại phụ tùng ô tô. Lấy được tài sản, Đ, C, A chuyển ra ngoài, rồi H, Đa, Nh sử dụng 02 chiếc xe máy chở tài sản trộm cắp về cất giấu tại khu vực cầu tràn xã Ch, huyện Q. Khi H, Đa, Nh chở được hai chuyến và quay lại xưởng để chở chuyến tiếp theo thì bị phát hiện nên cả ba bỏ chạy, riêng C bị Công an thị trấn Quỳ Hợp lập biên bản sự việc, thu giữ 02 nhíp xe ô tô, 01 gông nhíp xe ô tô.

Đến khoảng 5 giờ ngày 04/5/2021, A và Đa đi đến khu vực cầu tràn xã Ch chở một phần tài sản trộm cắp được đưa đến cất giấu tại khu vực nghĩa trang thuộc bản Đ, xã Ch, huyện Q. Khoảng 8 giờ cùng ngày, Đ và Nh chở một ít phụ tùng xe ô tô trộm cắp được đưa đến bán cho bà Trần Thị M được 300.000 đồng. Số tiền này Đ tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ và H đưa một số phụ tùng xe ô tô đã trộm cắp được đến bán cho bà Trần Thị M. Do nghi ngờ tài sản trộm cắp nên bà M đã trình báo lên Công an thị trấn Quỳ Hợp. Công an thị trấn Quỳ Hợp tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ các tài sản gồm: 01 Tăng bua phanh,

01 lá răng, 01 gối nhíp, 01 mặt lá răng, 01 bàn tay ếch, 01 giá lắp chữ A. Sau đó Công an thị trấn Quỳ Hợp tiếp tục thu thêm được 03 lá nhíp xe ô tô tại khu vực cầu tràn xã Châu Đình.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ, Nh, L đến nhà A chơi. Tại đây Đ rủ L đi bán tài sản trộm cắp được thì L đồng ý. Sau đó, L mượn xe máy với anh Vi Tuấn V rồi chở Đ và Nh đi lấy phụ tùng xe ô tô đưa đi bán. Sau khi lấy được phụ tùng xe ô tô lên xe máy thì L điều khiển xe máy chở Nh đi bán, còn Đ đi bộ về nhà. Khoảng 19 giờ 05 phút cùng ngày, trên đường đi bán tài sản thì L và Nh bị Công an thị trấn Quỳ Hợp phát hiện, Nh nhảy xuống xe bỏ chạy thoát, còn L bị bắt giữ. Công an thị trấn Quỳ Hợp lập biên bản sự việc, thu giữ tài sản gồm: 01 lá răng xe ô tô, 01 kềm gắp tanh, 01 vai mâm đầu kéo, 01 chốt vai mâm đầu kéo.

Bản kết luận định giá tài sản số: 38/KL-HĐĐG ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳ Hợp kết luận:

- Định giá tài sản thu giữ tại Vi Đình C vào hồi 02 giờ 30 phút ngày 04/5/2021: 03 thanh nhíp xe ô tô bằng kim loại màu đen, có kích thước lần lượt là (26 x 09 x 1,2)cm, (43 x 09 x 1,6)cm, (55 x 09 x 1,6)cm; 01 gông nhíp xe ô tô bằng kim loại màu đen kích thước (1 x 2)cm; 01 ốc cầu xe ô tô bằng kim loại kích thước (12,5 x 3,5)cm, đã qua sử dụng, trị giá 810.000,đ.

- Định giá tài sản thu giữ tại Lữ Văn Đ và Vi Văn H vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 04/5/2021: 01 Tăng bua phanh xe ô tô bằng kim loại màu đen kích thước (đường kính 48 x cao 30 x dày 3)cm; 01 Lá răng của xe ô tô bằng kim loại màu đen kích thước (60 x 32)cm; 01 Gối nhíp bằng kim loại màu đen kích thước (17 x 24 x14) cm; 01 Mặt lá răng của xe ô tô bằng kim loại màu đen kích thước (46 x 1,3); 01 Bàn tay ếch bằng kim loại màu đen kích thước (33 x 4,5)cm; 01 Giá lắp chữ A bằng kim loại màu đen kích thước (17 x 12 x 2)cm, trụ tròn ở giữa kích thước (11 x 4)cm; 03 lá nhíp ô tô lần lượt có kích thước (109 x 9 x 1,6)cm; (67 x 9 x 1,6)cm; (102 x 9 x 1,6)cm đã qua sử dụng, trị giá 4.210.000,đ.

- Định giá tài sản thu giữ tại Vi Xuân L vào hồi 19 giờ 05 phút ngày 04/5/2021: 01 Lá răng của xe ô tô bằng kim loại màu đen, kích thước (34 x 17)cm; 01 Kềm gắp tanh bằng kim loại màu đen dài 92cm; 01 Vai mâm xe ô tô đầu kéo kích thước (dài 58 x rộng nhất 16, hẹp nhất 11 x cao 16)cm; 01 Chốt vai mâm xe ô tô đầu kéo kích thước (16 x 5)cm, đã qua sử dụng, trị giá 1.400.000,đ.

Tổng trị giá tài sản là **6.420.000**,đ (Sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 01/CT-VKSQH ngày 06/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp truy tố bị cáo Lê Đức Nh, Vi Nhật A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Vi Xuân L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt Lê Đức Nhân từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 65; Điều 91 BLHS, xử phạt Vi Nhật Anh từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91 BLHS, xử phạt Vi Xuân Ly từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đình Nh đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền 300.000,đ nay ông Nh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Vi Văn Đ, Vi Văn Ng không biết các bị cáo sử dụng xe máy của mình thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý đối với ông Đ, ông Ng.

Về vật chứng: Tài sản gồm 06 thanh nhíp xe ô tô; 01 gông nhíp xe ô tô; 01 ốc cầu xe ô tô; 01 Tăng bua phanh xe ô tô; 02 Lá răng của xe ô tô; 01 Gối nhíp; 01 Mặt lá răng của xe ô tô; 01 Bàn tay ếch; 01 Giá lắp chữ A; 01 Kềm gắp tanh; 01 Vai Mâm xe ô tô đầu kéo; 01 Chốt vai mâm xe ô tô đầu kéo thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đình Nho nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Đình Nho.

Xe máy thuộc sở hữu của ông Vi Văn Đ, ông Vi Văn Ng không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Đ, ông Ng.

Về án phí: Các bị cáo Lê Đức Nh, Vi Nhật A, Vi Xuân L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Nhật A, Vi Xuân L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo bởi các yếu tố: Các bị cáo dưới

18 tuổi, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị HĐXX xử phạt Vi Nhật A, Vi Xuân L mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Nói lời sau cùng tại phiên toà, bị cáo Lê Đức Nh, Vi Nhật A, Vi Xuân L nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về Tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Căn cứ vào Biên bản sự việc ngày 04/5/2021; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 04/5/2021; Bản kết luận định giá tài sản ngày số 38/KL-HĐĐG ngày 02/7/2021; Lời khai các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được tại hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 02 giờ ngày 04/5/2021, tại xưởng sửa chữa ô tô của anh Nguyễn Đình Nh ở khối 2, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Vi Đình C, Lữ Văn Đ, Lê Đức Nh, Vi Nhật A, Vi Văn H có hành vi trộm cắp tài sản là phụ tùng xe ô tô đã qua sử dụng, tổng trị giá tài sản là 6.420.000 đồng. Khoảng 19 giờ ngày 04/5/2021 Vi Xuân Ly không có sự hứa hẹn, thỏa thuận trước với Vi Đình C, Lữ Văn Đ,Lê Đức Nh, Vi Nhật A, Vi Văn H về việc tiêu thụ tài sản nhưng biết rõ tài sản là do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý đưa tài sản đi bán.

Hành vi trên của Lê Đức Nh, Vi Nhật A đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật

Hình sự. Hành vi của Vi Xuân L đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với Vi Văn H, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ tuổi để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó Công an huyện Quỳ Hợp đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "trộm cắp tài sản" đối với Vi Văn H.

Đối với Vi Đình C và Lữ Văn Đ, quá trình điều tra đã bỏ trốn, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã đối với Vi Đình C và Lữ Văn Đ, ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi trộm cắp tài sản của Vi Đình C và Lữ Văn Đ để điều tra, xử lý trong vụ án khác.

[3] Xét tính chất vụ án; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo Lê Đức Nh, Vi Nhật A, Vi Xuân L là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của Lê Đức Nh, Vi Nhật A xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Trong vụ án, Lê Đức Nh, Vi Nhật A tuy bị rủ rê, lôi kéo nhưng các bị cáo phạm tội tích cực. Hành vi của bị cáo Vi Xuân L không chỉ trực tiếp xâm hại trật tự công cộng, trật tự pháp luật mà còn gây trở ngại lớn cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm quyền sở hữu tài sản. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm tương xứng.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Đức Nh, Vi Nhật A, Vi Xuân L có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Những tình tiết trên cần được áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vi Nhật A, Vi Xuân L phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điều 91 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vi Nhật A, Vi Xuân L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật hạn chế. Những tình tiết trên cần được cân nhắc, xem xét kỹ lưỡng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đảm bảo được mục đích giáo dục, giúp các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đình Nh đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và hoàn trả cho bà Trần Thị Mai số tiền 300.000,đ. Nay ông Nh

không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, hoàn trả lại tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bà Trần Thị M là người mua tài sản với các bị cáo nhưng bà M không biết tài sản do phạm tội mà có, do đó không xem xét xử lý đối với bà M.

Ông Vi Văn Đ, Vi Văn Ng không biết các bị cáo sử dụng xe máy của mình thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý đối với ông Đ, ông Ng.

[6] Vật chứng vụ án: Tài sản các bị cáo trộm cắp thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đình Nh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Đình Nh.

Xe máy thuộc sở hữu của ông Vi Văn Đ, ông Vi Văn Ng không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Đ, ông Ng.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Đức Nh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Vi Nhật A, Vi Xuân L là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên cần căn cứ điểm đ điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội để miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Nhật A, Vi Xuân L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tuyên bố**: Bị cáo Lê Đức Nh, Vi Nhật A phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Vi Xuân L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Lê Đức Nh **07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Vi Nhật A **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Vi Xuân L **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức Nh cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Giao bị cáo Vi Nhật A, Vi Xuân L cho Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã/thị trấn trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Lê Đức Nhân phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Vi Nhật Anh và Vi Xuân Ly.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, 02 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vắng mặt người bị hại, 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Ủy ban nhân dân xã.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An
-VKSND huyện Quỳ Hợp
- Công an huyện Quỳ Hợp
- Thi hành án dân sự
- Thi hành án hình sự
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp
- Người bị hại, người có QLNVLQ
- Người bào chữa
- Lưu hồ sơ.

Trương Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên toà